TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST.
Ngày: 23/5/2023
V/v: "Tranh chấp yêu cầu hủy giấy chứng nhận, chia thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thanh Duyên
2/ Bà Trần Thị Sang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa: bà Trần Văn Thòn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc: "Tranh chấp yêu cầu hủy giấy chứng nhận, chia thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 80/2023/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:
1/ Bà Nguyễn Thị D, sinh 1960 *(có mặt);*
Địa chỉ: ấp Long Th, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.
2/ Ông Nguyễn Văn Nh, sinh 1968 *(có mặt);*
Địa chỉ: ấp Hòa L, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Nh là ông Phan Văn H, sinh 1987 ấp Phong Th, thị trấn Vũng L, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh L*(có mặt);*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh 1977 *(có mặt);*
Địa chỉ: ấp Ô Ch , xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:
1/ Ông Tri Công T, sinh 02/9/1973
Địa chỉ: Số 262/82/17 Tô Yến Th, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền là ông Tri Công Th, sinh 1972; địa chỉ: ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh *(có mặt);*
2/ Bà Huỳnh Thị Th, sinh 1940 *(xin vắng mặt);*
Địa chỉ: ấp Ô C, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.
3/ Nguyễn Thị Th, sinh 1959 *(có mặt);*
4/ Nguyễn Quốc M, sinh 1974 *(có mặt);*

5/ Nguyễn Quốc H, sinh 1975 *(có mặt);*
Cùng địa chỉ: ấp Bót Ch, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Nguyễn Thị Th, sinh 1966 (xin vắng mặt);
2/ Lê Thị Oanh Th, sinh 1980 *(có mặt);*
3/ Tăng Diệp H, sinh 2004 (xin vắng mặt);
4/ Trần Bá Th, sinh 1959 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Phú L, xã Song L, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.
5/ Huỳnh Thanh L, sinh 1980 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Phú Kh, xã song L, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.
6/ Đoàn Ngọc Tr, sinh 1982 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Tân Ng, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.
7/ Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Số 208- Đường 2/9, khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện các đồng nguyên đơn Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn Nh có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:

Cha là ông Nguyễn Văn Th, sinh 1937 (chết 09/01/2016) và mẹ là Huỳnh Thị Th, sinh 1940; có 07 người con là Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Quốc M, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ú. Sau khi cha chết có để lại các phần đất mà không có di chúc: thửa 289 diện tích 1.989m^2; thửa 1532 diện tích 5.990m^2, cùng tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th và thửa 403 diện tích 2.660m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Th.

Sau khi cha chết các hàng thừa kế của cha không có đủ mặt để ký đồng thuận vào "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được ủy ban nhân dân xã Lương H chứng thực ngày 13/5/2016 để cho mẹ là bà Huỳnh Thị Th đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ thể "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" thì chúng tôi hoàn toàn không được biết, cũng như không ký vào văn bản này. Sau khi mẹ đứng tên đã làm hợp đồng tặng cho Nguyễn Văn Ú, hiện nay 03 thửa đất trên do Nguyễn Văn Ú quản lý, sử dụng.

Vì vậy thủ tục hưởng di sản thừa kế là "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" không hợp lệ; nên chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Yêu cầu hủy "Văn bản thỏa thuận phân chi di sản" được UBND xã chứng thực ngày 13/5/2016, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 289 diện tích 1.989m^2, tờ bản đồ 40; thửa 1532 diện tích 5.990m^2, tờ bản đồ số 1; Cùng tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V để trở thành di sản thừa kế của cha là ông Th và tài sản của mẹ là bà Huỳnh Thị Th bằng 1/2.

+ Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 10.639m^2 của 03 thửa đất thửa 289 diện tích 1.989m^2; thửa 1532 diện tích 5.990m^2, cùng tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th và thửa 403 diện tích 2.660m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Th.

Nguyên đơn Nguyễn Thị D yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất của cha là ông Nguyễn Văn Th chết để lại được hưởng diện tích khoảng 664m^2 có giá trị bằng 96.875.000đ.

Nguyên đơn Nguyễn Văn Nh yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất của cha là ông Nguyễn Văn Th chết để lại được hưởng diện tích khoảng 664m^2 có giá trị bằng 96.875.000đ.

- Bị đơn Nguyễn Văn Ú có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:

Nguyên trước đây mẹ ruột là bà Huỳnh Thị Th, sinh 1940 tặng cho quyền sử dụng đất gồm 02 thửa đất, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 289 diện tích 1.989m^2, tờ bản đồ 40; thửa 1532 diện tích 5.990m^2, tờ bản đồ số 1; Cùng tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th;

Hiện căn nhà đang ở trên thửa đất 1532; bị đơn Nguyễn Văn Ú đề nghị quý Tòa giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; anh Ú không đồng ý trả lại đất và chia thừa kế theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Còn đối với phần đất thửa 289, diện tích 1.989m^2, tờ bản đồ số 40; tôi có chuyển nhượng cho anh Tri Công T 01 phần đất (ngang 15m dài hết đất) với số tiền 1.050.000.000đ; anh Tri Công T đã trả cho anh Nguyễn Văn Ú được số tiền 691.000.000đ. Hiện anh Tri Công T chỉ yêu cầu tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích (chiều ngang 10m x dài 64m) nằm 01 phần thửa 289. Bị đơn Nguyễn Văn Ú và vợ Lê Thị Oanh Th đồng ý và trừ đi số tiền đã nhận đủ là 691.000.000đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tri Công T có yêu cầu độc lập như sau:

Vào ngày 18/10/2018, sau khi thỏa thuận giữa anh T với anh Ú đi đến thống nhất, anh Út chuyển nhượng cho anh Tri Công T một phần đất diện tích 960m^2 (bề ngang 15m dài 64m) nằm 01 phần diện tích 1.989m^2, thửa 289, giá chuyển nhượng là 1.050.000.000đ; anh Ú đã nhận tổng cộng 691.000.000đ, số tiền còn lại 359.000.000đ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông Tri Công T với anh Nguyễn Văn Ú đã đồng ý mua bán với diện tích ngang 10m dài hết thửa. Cho nên ông Tri Công T yêu cầu tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích ngang 10m dài hết thửa, nằm 01 phần diện tích 1.989m^2, thửa 289, tờ bản đồ số 40; tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Quốc M, Nguyễn Quốc H có yêu cầu độc lập như sau:

+ Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 289 diện tích 1.989m^2, thửa 1532 diện tích 5.990m^2,; Cùng tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Thà do ông Nguyễn Văn Ú đứng tên chủ sử dụng. Để trở thành di sản thừa kế của cha là ông Th và tài sản của mẹ là bà Th bằng 1/2.

+ Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tổng diện tích 10.639m^2 của các thửa đất thửa 289 diện tích 1.989m^2; thửa 1532 diện tích 5.990m^2, cùng tọa lạc ấp Ô Chí, xã Lương H, huyện Châu Th và thửa 403 diện tích 2.660m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Th.

- Theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất theo Công văn số 357/CNCT ngày 06/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành thể hiện: Phần diện tích đất do bị đơn Nguyễn Văn Ú quản lý, sử dụng các thửa đất tranh chấp số 289 diện tích 1.989m^2; thửa 1532 (nay là thửa 348) diện tích 5.990m^2; cùng tọa lạc

ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th và thửa 403 diện tích 2.660m^2, tọa lạc ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Th.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Đồng nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; Bị đơn Nguyễn Văn Ú cho rằng được mẹ Nguyễn Thị Th cho đất và sử dụng quản lý đất các thửa 289 diện tích 1.989m^2; thửa 1532 (nay là thửa 348) diện tích 5.990m^2 đến nay; nay bị đơn Nguyễn Văn Ú đồng ý phân chia cho chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn Nh suất thừa kế theo quy định của pháp luật. Riêng thửa 403 diện tích 2.660m^2 do cha Nguyễn Văn Th đứng đên bị đơn Nguyễn Văn Ú đồng ý cho mẹ được quyền sử dụng đất để mẹ hưởng tuổi già. Phần chuyển nhượng đất của anh Tri Công T với bị đơn anh Ú, chị Th

Ý kiến của kiểm sát viên: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Riêng thời gian xét xử kéo dài so với qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Nguyễn Văn Ú đồng ý chia suất thừa kế cho anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả giá trị phần đất thửa 289, 1532 được chia cho anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị D mỗi người được hưởng 379.600.000đ.

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Ú, chị Th với anh Tri Công T diện tích 647m^2 nằm 01 phần diện tích 1.989m^2, thửa 289.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của cá hàng thừa kế của ông Th cho bà Huỳnh Thị Th được hưởng phần thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th đối với thửa 403, diện tích 2.512m^2, tờ bản đồ số 03; tọa lạc ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Th, tỉnh Trà V. Bà Huỳnh Thị Th phải hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Th 01 suất thừa kế của ông Th bằng 12.560.000đ.

Các đương sự phải chịu chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo qui định tại khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy quan hệ tranh chấp đây là "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất". Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời điểm mở thừa kế: Ông Nguyễn Văn Th chết ngày 09/01/2016. Do vậy thời điểm mở thừa kế của ông Th là ngày 09/01/2016;

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/01/2019 Tòa án thụ lý vụ án của đồng nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th; áp dụng Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông Th còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về diện và hàng thừa kế: Ông Nguyễn Văn Th có vợ là bà Nguyễn Thị Th và có tất cả 07 người con: là Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Quốc M, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ú.

[4] Xác định di sản thừa kế:

Ông Nguyễn Văn Th, sinh 1937 (chết 09/01/2016) và là Huỳnh Thị Th, sinh 1940 có được 07 người con là Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Quốc M, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Ú.

Sau khi chết ông Thơm có để lại các phần đất là tài sản chung của ông với bà Th mà không có di chúc: thửa 289 diện tích 1.989m^2; thửa 1532 (nay là thửa 348) diện tích 5.990m^2, cùng tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th và thửa 403 diện tích 2.660m^2, tọa lạc ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Th.

- Theo "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Ủy ban nhân dân xã Lương H chứng thực ngày 13/5/2016 để cho bà Huỳnh Thị Th đứng tên quyền sử dụng đất các thửa 289 và thửa 1532 (nay là thửa 348) có chữ ký của tất cả các con của bà ký. Tuy nhiên anh Nh và chị D không thừa nhận có ký tên, anh H thừa nhận ký thay anh Nh và chị D. Tại kết luận giám định số 668 ngày 16/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Trà Vinh kết luận không đủ cơ sở để kết luận chữ ký trong văn bản thảo thuận phân chia di sản có phải của anh Nh và chị D hay không. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Ú (bút lục 197) anh Ú cho biết lúc ký tên anh Ú có mặt ký tại UBND xã, lúc này anh Nh và chị D không có đến Ủy ban và anh Ú thừa nhận chị D, anh Nh không ký và đồng ý chia suất thừa kế của chị D, anh Nh được hưởng theo qui định pháp luật. Từ đó nhận thấy quyền và lợi ít hợp pháp của anh Nh và chị D không được đảm bảo đối với tài sản thừa kế mà ông Th để lại.

Đối với những người đã ký trong văn bản thỏa thuận gồm (bà Th, chị Th, anh M, anh H và anh Ú đã thừa nhận có ký tên đồng thuận phân chia di sản thừa kế, chấp nhận cho bà Th là mẹ đứng tên cá nhân 02 thửa đất 289 và 1532 nên những người này đã thể hiện ý chí không nhận phần di sản thừa kế, tại Công văn số 1264/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 04/5/2023 của Sở Tài nguyên và môi trường có văn bản về việc chỉnh lý biến động tặng cho đối với thửa đất 289, 1532 cho ông Nguyễn Văn Ú đứng tên quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên việc yêu cầu chia di sản của anh H, anh M, chị Th và bà Th là không có cơ sở. Sau đó bà Th đã thực hiện hợp đồng tặng cho anh Ú hai thửa đất này, hợp đồng tặng cho được công chứng, chứng thực đúng theo quy đinh của pháp luật, thể hiện bà Th đã tự nguyện tặng cho 02 thửa đất 289 và 1532 cho ông Ú. Nên yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất này là không có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo phần thừa kế của nguyên đơn Nguyễn Văn Nh và Nguyễn Thị D cần chia cho anh Nh và chị D một phần trong phần đất mà ông Th để lại. Trong đó thửa 289 diện tích là 1.989m^2 và thửa 1532 diện tích 5.999m^2 được chia đôi phần của ông Th và bà Th; Phần thừa kế của ông Th được chia cho 08 phần thừa kế như sau: thửa 289 diện tích là 1.989m^2 (trong đó diện tích 647m^2 anh Nguyễn Văn Ú đã bán cho anh Tri Công T được tính với giá 691.000.000đ; diện tích còn lại 1.342m^2 được tính với giá Hội đồng định giá 2.670.000đ) bằng 267.120.500đ; Thửa 1532 (5.999m^2 x 300.000đ/m^2/2, chia phần thừa kế ông Th ra 8 phần bằng 112.481.000đ. Như vậy phần thừa kế của anh Nh, chị D được hưởng từ ông Th mỗi người bằng 379.600.000đ (267.120.500đ + 112.481.000đ).

- Đối với thửa 403 diện tích thực đo 2.512m^2 do ông Nguyễn Văn Th đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay thửa đất này do anh Ú quản lý sử dụng. Thửa đất 403 này các hàng thừa kế thừa nhận tài sản thửa đất 403 là của cha, mẹ

và có ý kiến thống nhất để lại cho mẹ là bà Huỳnh Thị Th bán để hưởng tuổi già nên ghi nhận cho bà Th được quyền sử dụng đất thửa 403 diện tích thực đo 2.512m^2. Riêng đối với chị Nguyễn Thị Th xin vắng mặt và có ý kiến được hưởng 01 phần thừa 403 nên bà Huỳnh Thị Th phải hoàn lại cho chị Thiện 01 suất thừa kế theo qui định pháp luật bằng số tiền (2.512m^2 x 80.000đ)/2, chia phần thừa kế ông Th ra 8 phần bằng 12.560.000đ.

[5] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Tri Công T với anh Nguyễn Văn Ú, Lê Thị Oanh Th. Hai bên đương sự thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích 647m^2, phần A theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn 1008 ngày 30/11/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Châu Thành; anh Tri Công T đã thanh toán cho anh Ú, chị Th đủ số tiền 691.000.000 đồng; Các bên đã thanh toán xong số tiền chuyển nhượng và đã đồng ý giao đất. Nên ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Từ cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người yêu cầu độc lập và chấp nhận lời đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá: Các bên đương sự phải chịu theo qui định pháp luật.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Thu là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự. Các đương sự khác phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3,5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 620, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 100, 202 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn Nh và một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ trả giá trị suất thừa kế phần đất thửa 289, 1532 được chia cho anh Nguyễn Văn Nh được hưởng 379.600.000đ và chị Nguyễn Thị D được hưởng 379.600.000đ *(Ba trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng).*

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/10/2018 giữa anh Nguyễn Văn Ú, chị Lê Thị Oanh Th với anh Tri Công T. Anh Tri Công T được quyền sử dụng diện tích đất 647m^2 nằm 01 phần diện tích 1.989m^2, thửa 289, tờ bản đồ số 40; tọa lạc ấp Ô Ch, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.

Có tứ cận:

Hướng nam giáp quốc lộ 60 có số đo ngang 10m ;

Hướng Bắc giáp thửa 86 có số đo ngang 10m;

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 289 có số đo 62,56m;

Hướng Tây giáp thửa 288, 113 có số đo 63,34m;

(Sơ đồ khu đất thuộc phần A, kèm theo công văn 1008 ngày 30/11/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Châu Thành).

+ Công nhận cho bà Huỳnh Thị Th được hưởng phần thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th đối với thửa 403 diện tích thực đo 2.512m^2, tờ bản đồ số 03; tọa lạc ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Th, tỉnh Trà V.

Buộc bà Huỳnh Thị Th phải hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Th số tiền thừa kế đất của ông Th bằng 12.560.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về chi phí giám định, thẩm định và định giá:

Tổng chi phí phải chịu số tiền 12.588.502đ (bao gồm các chi phí giám định số tiền 600.000đ; Chi phí đo đạt tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Chi nhánh huyện Châu Thành số tiền 8.928.502đ; Cung cấp hồ sơ cấp giấy 510.000đ và chi phí thẩm định, định giá giá là 2.550.000đ). Các đương sự anh Nguyễn Văn Nhẫn, Nguyễn Thị Diệu và anh Tri Công Tuấn chấp nhận chịu và được khấu trừ số tiền mà các đương sự đã nộp và chi xong.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn Nguyễn Văn Nh phải chịu số tiền 18.980.000đ (379.600.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.422.000đ tạm ứng theo biên lai thu số 0000334 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Nguyên đơn Nguyễn Văn Nh phải tiếp tục nộp 16.558.000đ án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 18.980.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 2.422.000đ tạm ứng theo biên lai thu số 0000336 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Nguyên đơn Nguyễn Thị D phải tiếp tục nộp 16.558.000đ án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 628.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Tri Công T phải chịu số 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng theo biên lai thu số 0004606 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th phải chịu số 10.048.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà Nguyễn Thị Th là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc M phải chịu số 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000đ tạm ứng theo biên lai thu số 0011025 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả lại anh Nguyễn Quốc M số tiền chênh lệch là 2.200.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H phải chịu số 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000đ tạm ứng theo biên lai thu số 0011026 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn H số tiền chênh lệch là 2.200.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th phải chịu số 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000đ tạm ứng theo biên lai thu số 0011024 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Th số tiền chênh lệch là 2.200.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thanh Tuấn